

Số: 414 /KH-UBND

Đắk Lắk, ngày 26 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH

Về việc thực hiện điều chỉnh Đề án tổng thể phát triển ngành nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Phú Yên (cũ) giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

Căn cứ Nghị quyết số 139/2024/QH15 ngày 28/6/2024 của Quốc hội về Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 2127/QĐ-TTg ngày 29/12/2017 về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia vịnh Xuân Đài, tỉnh Phú Yên đến năm 2030; số 1226/QĐ-TTg ngày 24/10/2023 về phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nam Phú Yên, tỉnh Phú Yên đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định 190/QĐ-UBND ngày 14/02/2025 của UBND tỉnh Phú Yên về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển ngành nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Đề án 190);

Thực hiện Kết luận số 312-KL/TU ngày 03/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ Hai mươi tư (chuyên đề);

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Báo cáo số 797/BC-SNNMT ngày 16/9/2026 về việc ban hành Kế hoạch chi tiết thực hiện điều chỉnh Đề án tổng thể phát triển ngành nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Phú Yên (cũ) giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện, với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

1. Mục đích:

Xây dựng hoàn chỉnh các nội dung điều chỉnh Đề án tổng thể phát triển ngành nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Phú Yên (cũ) giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 (Đề án 190) bảo đảm tính khả thi trong quá trình thực hiện, phù hợp với chính quyền địa phương 02 cấp và thực tiễn, trên cơ sở:

- Rà soát, đánh giá toàn diện hiện trạng hoạt động nuôi trồng thủy sản lồng bè trên các đầm, vịnh, cửa sông và vùng biển mở ven bờ; đánh giá hiện trạng quản lý, sử dụng khu vực biển, tình trạng pháp lý và những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý, làm cơ sở xây dựng phương án quản lý, sắp xếp hoạt động nuôi trồng thủy sản lồng bè.

Đánh giá sự phù hợp của các khu vực nuôi hiện trạng với hệ thống các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; làm cơ sở đề xuất điều chỉnh, bổ sung Đề án tổng thể phát triển ngành nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Phú Yên (cũ) (sau đây gọi tắt là Đề án 190).

Xây dựng phương án sắp xếp hoạt động nuôi trồng thủy sản lồng bè theo hướng tập trung, hiện đại, bền vững, phù hợp với quy hoạch, điều kiện tự nhiên và sức chịu tải môi trường; bảo đảm ổn định sản xuất của người dân, gắn với bảo vệ môi trường, cảnh quan, an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế biển.

Làm cơ sở xây dựng phương án xử lý đối với các trường hợp nuôi trồng thủy sản không phù hợp quy hoạch, kế hoạch bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định pháp luật; xử lý vi phạm hành chính thống nhất trên địa bàn tỉnh.

Rà soát đánh giá sự phù hợp nội dung điều chỉnh Đề án 190 với quy hoạch có liên quan; tạo cơ sở phục vụ công tác quản lý nhà nước, xử lý vi phạm hành chính và phát triển nuôi trồng thủy sản lồng, bè bền vững.

2. Yêu cầu:

- Việc triển khai Kế hoạch phải bảo đảm đồng bộ, toàn diện, đúng quy định của pháp luật; bám sát chủ trương của Tỉnh ủy và UBND tỉnh.

- Trong quá trình thực hiện phải kết hợp chặt chẽ giữa công tác quản lý nhà nước với quá trình rà soát, điều chỉnh Đề án 190; bảo đảm không để phát sinh vi phạm mới, không làm gián đoạn công tác quản lý trong quá trình tổ chức thực hiện.

Bổ sung các dự án ưu tiên có ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý nuôi trồng thủy sản, trong đó đẩy mạnh ứng dụng thiết bị bay không người lái (UAV), xây dựng cơ sở dữ liệu số, bản đồ GIS, hệ thống giám sát, cảnh báo; bảo đảm kết quả thực hiện có cơ sở khoa học, pháp lý, phù hợp thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phát triển kinh tế biển bền vững.

Các nhiệm vụ được triển khai theo nguyên tắc “6 rõ” và xuyên suốt trong chỉ đạo điều hành; xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện.

3. Phạm vi điều chỉnh: Rà soát, đánh giá toàn diện hiện trạng và định hướng phát triển nuôi trồng thủy sản lồng bè khu vực ven biển thuộc tỉnh Phú Yên (cũ), nay thuộc tỉnh Đắk Lắk, bao gồm 10 xã, phường: Xuân Lộc, Sông Cầu, Xuân Đài, Tuy An Đông, Ô Loan, Tuy An Nam, Hòa Xuân, Xuân Cảnh, Tuy An Bắc, Hòa Hiệp.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Rà soát, kiểm đếm, phân loại đối tượng nuôi; đánh giá hiện trạng nuôi trồng thủy sản:

Rà soát, kiểm đếm, thống kê đầy đủ hiện trạng hoạt động nuôi trồng thủy sản lồng bè; xác định tình trạng pháp lý, hiện trạng sử dụng khu vực biển; phân loại các tổ chức, cá nhân theo địa bàn và thời điểm phát sinh trước, sau khi Đề án 190 được UBND tỉnh phê duyệt.

Phân loại tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tiếp tục hoạt động; xác định mốc thời gian thực hiện việc giảm mật độ, di dời hoặc chấm dứt hoạt động NTTS lồng, bè theo quy định.

Xây dựng cơ sở dữ liệu hiện trạng phục vụ công tác quản lý, điều chỉnh Đề án 190 và xây dựng phương án sắp xếp.

2. Rà soát, đánh giá sự phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển:

- Rà soát, đối chiếu hiện trạng nuôi trồng thủy sản với Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch không gian biển quốc gia và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Đánh giá hiệu quả sử dụng không gian biển; xác định các khu vực tiếp tục duy trì, mở rộng, điều chỉnh hoặc chấm dứt hoạt động nuôi trồng thủy sản lồng bè.

- Đề xuất định hướng điều chỉnh không gian nuôi trồng thủy sản phù hợp với quy hoạch, điều kiện tự nhiên, sức chịu tải môi trường và định hướng phát triển kinh tế biển.

3. Đánh giá hiện trạng môi trường và sức chịu tải vùng nuôi trồng thủy sản lồng bè:

Rà soát, đánh giá hiện trạng môi trường, sức chịu tải và tác động của hoạt động nuôi trồng thủy sản lồng bè; xác định các khu vực có nguy cơ ô nhiễm, vượt sức chịu tải để đề xuất giải pháp quản lý, bảo vệ môi trường và phát triển vùng nuôi bền vững.

Tăng cường quản lý, thu gom và xử lý chất thải; đẩy mạnh quan trắc, cảnh báo môi trường, phục hồi môi trường tại các khu vực có mật độ nuôi cao; khuyến khích áp dụng công nghệ nuôi thân thiện với môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên và thích ứng với biến đổi khí hậu.

4. Xây dựng phương án sắp xếp hoạt động nuôi trồng thủy sản lồng bè và phát triển nuôi biển bền vững:

- Trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá hiện trạng, quy hoạch và sức chịu tải môi trường, xây dựng phương án sắp xếp hoạt động nuôi trồng thủy sản lồng bè; bố trí các đối tượng nuôi được xác định trong Đề án 190 sau khi điều chỉnh; đồng thời quy hoạch, đầu tư hạ tầng và phát triển vùng sản xuất giống phục vụ phát triển nuôi biển bền vững.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu, số hóa lồng, bè và gắn mã định danh (mã số cơ sở).

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nuôi biển công nghệ cao; chuyển đổi nghề đối với các hộ nuôi trồng thủy sản bằng lồng, bè bị ảnh hưởng; chính sách hỗ trợ ứng dụng tiến bộ khoa học, chuyển đổi vật liệu làm lồng, bè, cải tiến công nghệ nuôi; khuyến khích liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, thu hút doanh nghiệp đầu tư, ứng dụng khoa học, công nghệ nhằm nâng cao giá trị gia tăng, khả năng truy xuất nguồn gốc và phát triển nuôi biển bền vững.

5. Hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh Đề án 190 và rà soát quy hoạch phát triển kinh tế biển:

- Trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá hiện trạng, sức chịu tải môi trường, rà soát quy hoạch và phương án sắp xếp hoạt động nuôi trồng thủy sản lồng bè, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Đề án 190; xác định các nội dung cần điều chỉnh, bổ sung để hoàn thiện Đề án.

- Tổ chức lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương, chuyên gia, nhà khoa học và các tổ chức, cá nhân có liên quan nhằm bảo đảm Đề án có cơ sở khoa học, căn cứ pháp lý, tính khả thi và sự đồng thuận cao.

- Song song với quá trình hoàn thiện Đề án, rà soát tổng thể quy hoạch, chương trình, dự án đầu tư tại khu vực vịnh Xuân Đài, Vũng Rô và các vùng nuôi trồng thủy sản trọng điểm; nghiên cứu đề xuất điều chỉnh, bổ sung quy hoạch nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế, phát triển kinh tế biển bền vững và thu hút đầu tư.

- Hoàn chỉnh hồ sơ điều chỉnh Đề án 190 theo đúng quy định; tổ chức thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định và chuẩn bị các điều kiện để triển khai thực hiện sau khi Đề án được phê duyệt.

6. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản lồng bè:

Đây là nhiệm vụ quan trọng, thực hiện xuyên suốt, song song với quá trình thực hiện việc điều chỉnh Đề án 190. Tập trung một số nhiệm vụ cụ thể sau:

Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản lồng bè theo đúng quy hoạch và quy định của pháp luật; thường xuyên kiểm tra, giám sát, quản lý chặt chẽ hoạt động nuôi trồng thủy sản lồng bè; kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm, kiên quyết không để phát sinh hoặc tái diễn lồng, bè nuôi trái phép.

Tổ chức rà soát, quản lý chặt chẽ hiện trạng hoạt động nuôi trồng thủy sản lồng bè; kịp thời phát hiện, ngăn chặn các trường hợp phát sinh lồng, bè, cơ sở nuôi mới hoặc mở rộng diện tích nuôi trái quy định.

Thực hiện quản lý theo địa bàn; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị và địa phương; quản lý đầy đủ mọi biến động về tổ chức, cá nhân, diện tích, số lượng lồng, bè và đối tượng nuôi.

Gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả quản lý; xử lý trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân để xảy ra vi phạm hoặc buông lỏng quản lý.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật; vận động người dân chấp hành quy hoạch và phối hợp thực hiện việc rà soát, sắp xếp hoạt động nuôi trồng thủy sản lồng bè.

III. KINH PHÍ VÀ THỜI GIAN, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện: Kinh phí dự kiến thực hiện kế hoạch là 870.000.000 đồng (*tám trăm bảy mươi triệu đồng chẵn*), được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

2. Thời gian, tiến độ thực hiện: Thời gian thực hiện Kế hoạch hoàn thành trong tháng 3 năm 2027. Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ cụ thể theo **Phụ lục** Danh mục nhiệm vụ, tiến độ và phân công trách nhiệm thực hiện Kế hoạch kèm theo.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn thực hiện điều chỉnh Đề án 190 theo quy định; theo dõi, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện của đơn vị tư vấn, bảo đảm chất lượng, tiến độ và yêu cầu của Đề án.

- Chủ trì rà soát, xây dựng phương án điều chỉnh, bổ sung Đề án 190 trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện, điều kiện thực tiễn, các quy hoạch, kế hoạch và định hướng phát triển có liên quan; tổ chức hoàn thiện hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

- Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, chuyên gia, nhà khoa học và các tổ chức, cá nhân có kinh nghiệm thực tiễn có liên quan trong quá trình xây dựng, hoàn thiện Đề án; tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, bảo đảm nội dung điều chỉnh có cơ sở thực tiễn, tính khả thi và đáp ứng yêu cầu quản lý, phát triển ngành nuôi trồng thủy sản của tỉnh.

- Rà soát, nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi, phát triển các hình thức nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao,

nuôi biển công nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật; phối hợp hướng dẫn, chuyển giao và áp dụng các quy trình, giải pháp kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất.

- Rà soát, nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề đối với các trường hợp không tiếp tục hoạt động nuôi trồng thủy sản; khuyến khích tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác và các hình thức liên kết sản xuất phù hợp. Rà soát, đề xuất định hướng bố trí, hoàn thiện hệ thống hạ tầng phục vụ phát triển nuôi trồng thủy sản; xác định các khu vực phù hợp phục vụ thu mua, sơ chế, chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá theo quy hoạch và quy định có liên quan.

- Bổ sung, hoàn thiện định hướng phát triển các vùng sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản phù hợp với điều kiện của tỉnh; từng bước nâng cao khả năng chủ động nguồn giống, kiểm soát chất lượng và nguồn gốc giống thủy sản, đáp ứng yêu cầu truy xuất nguồn gốc và góp phần xây dựng, phát triển thương hiệu sản phẩm tôm hùm của tỉnh.

2. Sở Tài chính:

- Trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, đơn vị có liên quan và khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định của pháp luật và trong phạm vi khả năng cân đối của ngân sách; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình lập, tổng hợp và tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, đánh giá sự phù hợp của các nội dung điều chỉnh Đề án 190 với Quy hoạch tỉnh và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tham gia ý kiến đối với các nội dung có liên quan đến nguồn lực tài chính, đầu tư; rà soát thông tin về quy hoạch, các chương trình, dự án đầu tư tại khu vực vịnh Xuân Đài và khu vực Vũng Rô; tham gia ý kiến về khả năng huy động, cân đối và bố trí nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo quy định, góp phần khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế về du lịch, thương mại và kinh tế biển của địa phương.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Xuân Đài, phường Sông Cầu, xã Hòa Xuân và các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, đánh giá tình hình triển khai các dự án, hoạt động du lịch tại khu vực vịnh Xuân Đài, vịnh Vũng Rô; rà soát sự phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển du lịch và các quy định có liên quan; trên cơ sở đó, tham mưu UBND tỉnh các giải pháp xử lý khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án theo quy định, bảo đảm hài hòa với yêu cầu quản lý, bảo vệ tài nguyên, môi trường và hoạt động nuôi trồng thủy sản.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, đánh giá sự phù hợp của các khu vực nuôi trồng thủy sản với quy hoạch, định hướng phát triển du lịch, yêu cầu bảo vệ cảnh quan và các quy định của pháp luật về di sản văn hóa có liên quan; tham gia ý kiến, đề xuất phương án bố trí, sắp xếp không gian nuôi trồng thủy sản phù hợp với định hướng phát triển du lịch, bảo tồn và phát huy giá trị cảnh quan, di sản văn hóa và phát triển kinh tế biển.

4. Sở Khoa học và Công nghệ: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai chương trình ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý nuôi trồng thủy sản; triển khai dự án về ứng dụng công nghệ GIS, số hóa dữ liệu về khu vực, vùng nuôi và lồng, bè, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, theo dõi hoạt động nuôi trồng thủy sản; xác định tọa độ, số hóa ranh giới các khu vực, vùng nuôi thủy sản trên nền bản đồ số theo hệ tọa độ VN-2000, bảo đảm phù hợp với yêu cầu quản lý và khả năng tổ chức thực hiện.

5. Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, xác định sự phù hợp của các khu vực nuôi trồng thủy sản với yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và các khu vực phục vụ nhiệm vụ quốc phòng theo quy định; cung cấp thông tin, tham gia ý kiến đối với các nội dung có liên quan.

6. Các sở, ban, ngành liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã, phường ven biển thực hiện Kế hoạch.

7. UBND các xã, phường: Xuân Lộc, Sông Cầu, Xuân Đài, Tuy An Đông, Ô Loan, Tuy An Nam, Hoà Xuân, Xuân Cảnh, Tuy An Bắc, Hòa Hiệp:

- Tập trung tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản theo đúng quy hoạch, quy định; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về nuôi trồng thủy sản; kiên quyết không để phát sinh lồng bè nuôi mới trái quy định; xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương nếu để xảy ra vi phạm.

- Tổ chức rà soát, kiểm đếm, thống kê hiện trạng nuôi trồng thủy sản trên địa bàn quản lý. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, hiện trạng và hồ sơ đối tượng nuôi trên địa bàn.

- Lập danh sách, phân loại các tổ chức, cá nhân nuôi trồng thủy sản theo thứ tự ưu tiên để sắp xếp; xác định hiện trạng sử dụng mặt nước, số lượng lồng bè và tình trạng pháp lý.

- Đề xuất phương án sắp xếp không gian nuôi trồng thủy sản trên địa bàn. Xây dựng các phương án bố trí, sắp xếp các hộ nuôi vào các khu vực quy hoạch phù hợp với điều kiện môi trường; phối hợp xây dựng lộ trình di dời, giảm mật độ nuôi, chuyển đổi đối tượng nuôi hoặc hình thức nuôi đối với các khu vực cần sắp xếp lại.

Trên đây là Kế hoạch chi tiết các nhiệm vụ thực hiện điều chỉnh Đề án 190. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh;
- UBND các xã, phường: Xuân Lộc, Xuân Cảnh, Sông Cầu, Xuân Đài, Tuy An Bắc, Tuy An Đông, Tuy An Nam, Ô Loan, Hòa Xuân, Hòa Hiệp;
- VP UBND tỉnh: Các Phòng, ban, trung tâm;
- Lưu: VT, NNMT (Q-05b).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thiên Văn